

Bản án số: **03/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 20.01.2020

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒNG ĐA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Thanh

Bà Nguyễn Quỳnh Thơ

-Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 661/2019/HNGĐST ngày 19 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 254/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2019/QĐHPT ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần T N, sinh năm 1964 (*Có mặt tại phiên tòa*)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: số A, ngõ B đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: Tòa nhà A Lê Văn Thiêm, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn V T, sinh năm 1961 (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: số A, ngõ B đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần T N trình bày:***

Tôi và ông Nguyễn V T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ngày 06 tháng 5 năm 1986.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại tập thể của Công ty dịch vụ lâm nghiệp xuất nhập khẩu tại Tây Mỗ. Năm 1988 vợ chồng tôi chuyển về sống tại Nguyễn Chí Thanh. Năm 1997 vợ chồng tôi chuyển đến số 52, ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ở cho đến nay.

Quá trình chung sống chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp tính cách, bất đồng trong cách sống, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể ở được ở với nhau nữa. Đỉnh điểm mâu thuẫn tháng 8.2018 ông T ghen tuông vô cớ đã đánh đập, chửi bới và xúc phạm tôi, việc này gia đình tôi và hàng xóm đều biết. Tôi đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Đống Đa nhưng do ông T hứa sẽ thay đổi bản thân nên tôi rút đơn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên sau đó ông T vẫn tiếp tục đánh tôi, đỉnh điểm là ngày 08.8.2019, khi tôi đang trong nhà vệ sinh, ông T lao vào đánh tôi, ông T khóa trái cửa nên không ai vào can ngăn được.

Do quá sợ hãi việc bị ông T dùng vũ lực nên ngày 29.10.2019 tôi đã phải chuyển ra ngoài sống. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Nguyễn V T.

- ***Về con chung:*** Tôi và ông T có hai con chung là Nguyễn T, sinh năm 1986 và Nguyễn Q, sinh năm 1991. Các con tôi đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về tài sản và nhà ở chung:*** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ:*** Tôi và ông T không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn bà Trần T N có mặt, bị đơn ông Nguyễn V T vắng mặt. Bà Trần T N vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có quan điểm:***

- ***Về thủ tục tố tụng:*** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Trần T N và ông Nguyễn V T kết hôn hợp pháp, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân, nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Trần T N được ly hôn ông Nguyễn V T. Về con chung: xác nhận ông bà có hai con chung là Nguyễn T, sinh năm 1986 và Nguyễn Q, sinh năm 1991. Hai con ông bà đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về tài sản và nhà ở chung, về công nợ chung: bà Trần T N và ông Nguyễn V T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, bà Trần T N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm bà Trần T N khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Nguyễn V T, ông T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại A, ngõ B đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền về lãnh thổ và loại việc quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn V T theo quy định của pháp luật nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông Nguyễn V T.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa bà Trần T N và ông Nguyễn V T là hôn nhân hợp pháp. Theo như bà N trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cách sống và trong sinh hoạt hàng ngày. Ông T thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm, đánh đập bà khiến tình cảm vợ chồng không còn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn V T đến Tòa án để lấy lời khai và tiến hành hòa giải để ông T thực hiện các quyền và nghĩa

vụ của mình cũng như để ông T, bà N có cơ hội trao đổi bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc ông T không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa ông T và bà N thể hiện ông T cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương nơi ông bà chung sống, tại biên bản xác minh ngày 20.11.2019 đại diện tổ dân phố cung cấp: "...Vợ chồng chị N và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, xô xát dẫn đến đánh cãi chửi nhau, tổ dân phố đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài nhiều năm nay. Trước đây anh chị đã gửi đơn ra Tòa án quận Đống Đa để ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả. Khoảng gần một tháng nay chị N đã chuyển đi nơi khác ở, không ở cùng anh T. Việc chị N có đơn xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật...".

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quyết định cho bà Trần T N được ly hôn ông Nguyễn V T.

- Về con chung: Xác nhận bà N và ông T có hai con chung là Nguyễn T, sinh năm 1986 và Nguyễn Q, sinh năm 1991. Các con ông bà đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Trần T N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0009060 ngày 16.8.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

- Bà N, ông T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần T N đối với ông Nguyễn V T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần T N được ly hôn với ông Nguyễn V T.

2. Về con chung: Bà N và ông T có hai con chung là Nguyễn T, sinh năm 1986 và Nguyễn Q, sinh năm 1991. Các con ông bà đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần T N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0009060 ngày 16.8.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Trần T N, vắng mặt ông Nguyễn V T. Bà Trần T N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- UBND phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP Hà Nội (cơ quan đăng ký kết hôn ngày 06.5.1986);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Việt Nga (Đã ký)